

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	360106	Nông Văn	Quỳnh	3601	16	TCXH1	7.31		87		840 000	840 000	
2	360107	Giàng A	Làng	3601	18	TCXH1	6.72	1	84		840 000	840 000	
3	360108	Trần Thanh	Tuấn	3601	17	TCXH1	7.18		87		840 000	840 000	
4	360109	Triệu Thị	Yến	3601	16	TCXH1	7.75		87		840 000	840 000	
5	360111	Lâm Hoàng Thuận	Yến	3601	14	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	
6	360113	Phạm Thị	Hồng	3601	17	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
7	360141	Nguyễn Hồng	Nhung	3601	15		8.67		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
8	360145	Hoàng Thị	Chang	3601	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
9	360157	Nguyễn Thị	Huế	3601	17		8.18		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
10	360161	Nguyễn Minh	Hằng	3601	15		8.60		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
11	360164	Hoàng Ngọc	Lan	3601	17		8.53		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
12	360202	Hoàng Thị	Thu	3602	18	TCXH1	7.28		83		840 000	840 000	
13	360209	Vũ Hoàng	Anh	3602	18		8.17		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
14	360228	Ngô Thị	Lương	3602	16		7.94		82	1 750 000		1 750 000	Khá
15	360257	Phan Thị Thu	Hà	3602	16		8.69		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
16	360267	Phạm Thị	Hà	3602	16	TCXH1	7.44		83		840 000	840 000	
17	360301	Thào A	Sùng	3603	16	TCXH1	6.69		84		840 000	840 000	
18	360302	Lường Thị	Thắm	3603	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
19	360308	Đỗ Hải	Yến	3603	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
20	360311	Nguyễn Kiều	Linh	3603	16	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	360326	Lê Thị Kim	Anh	3603	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
22	360332	Lê Thị	Giang	3603	18		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
23	360335	Nguyễn Thị	Lý	3603	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
24	360349	Nguyễn Thị	Trang	3603	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
25	360361	Nguyễn Thị Phương	Anh	3603	15		8.00		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
26	360410	La Thị	Huệ	3604	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
27	360416	Trương Công	Hữu	3604	16	TCXH1	6.63		84		840 000	840 000	
28	360418	Hoàng Thị	Thu	3604	16	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
29	360424	Hoàng Lệ	Điểm	3604	16	TCXH1	7.75		87		840 000	840 000	
30	360426	Lê Thị Minh	Nguyệt	3604	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
31	360470	Đèo Thị Hồng	ánh	3604	15	TCXH1	7.53		87		840 000	840 000	
32	360502	Triệu Thị	Huyền	3605	17	TCXH1	6.71		84		840 000	840 000	
33	360505	Nông Thị Kim	Tuyết	3605	15	TCXH1	7.73		87		840 000	840 000	
34	360507	Hà Thị	Xuyến	3605	17	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
35	360508	Dương Thị	Như	3605	17	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
36	360515	Đoàn Thị	Mến	3605	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
37	360528	Thiếu Thị Vân	Anh	3605	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
38	360532	Nguyễn Thị	Giang	3605	18		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
39	360534	Hoàng Nguyễn Bảo	Anh	3605	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
40	360543	Phan Thị	Nga	3605	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	360554	Hoàng Thị Hà	3605	18		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
42	360602	Ma Thị Hoà	3606	18	TCXH1	7.33		87		840 000	840 000	
43	360606	Lê Thị Huyền	3606	18	TCXH1	6.61		84		840 000	840 000	
44	360608	Triệu Thị Bay	3606	17	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
45	360609	Hoàng Thị Mai	3606	18	TCXH1	7.72		87		840 000	840 000	
46	360610	Nguyễn Phương Thảo	3606	17	TCXH1	7.59		87		840 000	840 000	
47	360616	Nông Thị Quỳnh Như	3606	18	TCXH1	7.39		87		840 000	840 000	
48	360617	Nguyễn Thị Trinh	3606	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
49	360623	Nguyễn Thị Thắng	3606	16		7.94		88	1 750 000		1 750 000	Khá
50	360653	Phạm Minh Tuấn	3606	14	TCXH1	7.64		97		840 000	840 000	
51	360702	Lý Thị Lâm	3607	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
52	360712	Quách Công Đạt	3607	17	TCXH1	7.47		87		840 000	840 000	
53	360716	Hà Thị Khuyên	3607	18	TCXH1	7.33		87		840 000	840 000	
54	360722	Hà Văn Tú	3607	18	TCXH1	6.83		84		840 000	840 000	
55	360749	Đào Đức Đại	3607	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
56	360754	Nguyễn Thị Hồng ánh	3607	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
57	360804	Cà Văn Phát	3608	17	TCXH1	6.06		84		840 000	840 000	
58	360809	Triệu Thị Xuân	3608	18	TCXH1	7.39		87		840 000	840 000	
59	360810	Đặng Thị Hương	3608		TCXH1					840 000	840 000	
60	360821	Lý Thị Phượng	3608	16	TCXH1	7.06		88		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
61	360823	Hoàng Thị	Lụa	3608	17	TCXH1	6.53		87		840 000	840 000	
62	360825	Lưu Thị	Thúy	3608	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
63	360843	Trần Thị	Thành	3608	17		8.18		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
64	360865	Đỗ Thị Thu	Vân	3608	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
65	360866	Bùi Thị Thuỳ	Dương	3608	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
66	360867	Nguyễn Thị Thuý	An	3608	17		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
67	360904	Lường Hồng	Lâm	3609	16	TCXH1	6.88		95		840 000	840 000	
68	360908	Hà Thị	Việt	3609	15	TCXH1	7.40		87		840 000	840 000	
69	360915	Nguyễn Thị	Trang	3609	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
70	360917	Ninh Thị	Mây	3609	16		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
71	360919	Hà Thị	Huyền	3609	16	TCXH1	6.69		84		840 000	840 000	
72	360925	Hoàng Mỹ	Linh	3609	18	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	
73	360961	Ngô	Hoàn	3609	16		8.81		100	2 000 000		2 000 000	Giỏi
74	361006	Lường Phương	Thảo	3610	17	TCXH1	7.53		88		840 000	840 000	
75	361007	Trương Thị	Hạnh	3610	16	TCXH1	6.31		84		840 000	840 000	
76	361010	Hoàng Sỹ	Thống	3610	17	TCXH1	7.71		88		840 000	840 000	
77	361014	Bàn Thị	Oanh	3610	17	TCXH1	7.59		88		840 000	840 000	
78	361030	Lương Thị Thu	Đào	3610	17	TCXH1	6.35	1	84		840 000	840 000	
79	361035	Nguyễn Thị	Tâm	3610	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
80	361057	Nguyễn Thị Hương	Lâm	3610	17		8.18		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
81	361064	Trịnh Thu	Hà	3610	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
82	361106	Sầm Đức	Hiệp	3611	18	TCXH1	7.33		88		840 000	840 000	
83	361129	Phạm Văn	Cường	3611	18	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	
84	361145	Trần Hà	Lan	3611	14		8.36		99	2 000 000		2 000 000	Giỏi
85	361147	Bào Kim	Vân	3611	15	TCXH1	6.87		84		840 000	840 000	
86	361166	Đinh Thị Lan	Hương	3611	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
87	361167	Phạm Thị	Hương	3611	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
88	361204	Hoàng Thị	Loanh	3612	17	TCXH1	7.41		87		840 000	840 000	
89	361206	Lý Văn	Hằng	3612	17	TCXH1	7.82		84		840 000	840 000	
90	361208	Vương Thu	Thảo	3612	17	TCXH1	7.76		85		840 000	840 000	
91	361211	Dương Tố	Như	3612	17	TCXH1	7.06		84		840 000	840 000	
92	361213	Vì Thị Phương	Thảo	3612	16	TCXH1	8.06		88	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
93	361220	Nguyễn Thu	Trang	3612	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
94	361221	Lương Ngọc	Minh	3612	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
95	361256	Nguyễn Thị Quỳnh	Oanh	3612	14		8.21		94	2 000 000		2 000 000	Giỏi
96	361259	Đỗ Thùy	Linh	3612	18		7.94		93	1 750 000		1 750 000	Khá
97	361302	Tô Thị Lan	Phương	3613	14		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
98	361303	Trần Thị	Lan	3613	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
99	361304	Cà Thị	Kinh	3613	14	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	
100	361308	Bạch Thị	Yến	3613	16	TCXH1	7.38		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
101	361309	Nguyễn Thị	Thảo	3613	15		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
102	361312	Đào Thị	Hoài	3613	16		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
103	361314	Bùi Phương	Thái	3613	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
104	361323	Vũ Thị Thanh	Huyền	3613	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
105	361337	Tô Thái	Sơn	3613	17		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
106	361339	Chử Ngọc	Linh	3613	15		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
107	361347	Đỗ Hoàng	Giang	3613	15		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
108	361351	Đặng Thị Thuỳ	Dương	3613	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
109	361352	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	3613	17		8.18		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
110	361403	Lường Thị	Phương	3614	17	TCXH1	7.47		96		840 000	840 000	
111	361405	Vương Văn	Vạnh	3614	18	TCXH1	5.00	1	82		840 000	840 000	
112	361411	Tráng A	Đạt	3614	18	TCXH1	6.89		84		840 000	840 000	
113	361413	Bế Thị	Linh	3614	16	TCXH1	6.69		84		840 000	840 000	
114	361415	Hoàng Văn	Tự	3614	19	TCXH1	5.42	1	82		840 000	840 000	
115	361440	Nguyễn Thị Bảo	Yến	3614	15		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
116	361453	Lê Thị Hồng	Hạnh	3614	14		8.00		99	2 000 000		2 000 000	Giỏi
117	361504	Ma Thị	Hoài	3615	16	TCXH1	7.56		87		840 000	840 000	
118	361505	Nguyễn Thị	Tuyền	3615	14	TCXH1	7.86		87		840 000	840 000	
119	361508	Lô Thị	Thoa	3615	16	TCXH1	5.81	1	82		840 000	840 000	
120	361514	Trần Thảo	Nguyên	3615	15		8.00		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
121	361517	Vũ Thị Hằng	Ly	3615	17	TCXH1	7.35		87		840 000	840 000	
122	361519	Nông Thị	Lệ	3615	14	TCXH1	7.36		87		840 000	840 000	
123	361521	Vi Thị	Anh	3615	18	TCXH1	6.33		84		840 000	840 000	
124	361545	Nguyễn Thị	Phượng	3615	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
125	361601	Nguyễn Thị	Lệ	3616	18	TCXH1	6.33		84		840 000	840 000	
126	361604	Triệu Thị	Sơn	3616	18	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
127	361605	Nguyễn Lan	Anh	3616	16	TCXH1	7.13		87		840 000	840 000	
128	361606	Lò Thị Thuý	Ngọc	3616	16	TCXH1	6.75		86		840 000	840 000	
129	361618	Thào Thị	Loan	3616	17	TCXH1	7.24		88		840 000	840 000	
130	361626	Trần Thị Thu	Cúc	3616	17		8.41		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
131	361641	Lê Thị	Quý	3616	16	TCXH2	7.94		87	1 750 000	600 000	2 350 000	Khá
132	361649	Nguyễn Thị	Thắm	3616	17		8.12		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
133	361650	Phạm Hạnh	Trang	3616	16		8.06		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
134	361658	Lê Thị	Hiệp	3616	18	TCXH1	7.28		87		840 000	840 000	
135	361665	Nguyễn Tiến	Tuấn	3616	18		8.17		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
136	361667	Phạm Thu	Trang	3616	18		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
137	361701	Hứa Ngọc	Diệp	3617	17	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
138	361702	Hoàng Thị	Miên	3617	16	TCXH1	7.44		87		840 000	840 000	
139	361703	Thiều Thị Bích	Dần	3617	17	TCXH1	7.12		89		840 000	840 000	
140	361707	Hà Thị Kiều	Trang	3617	18	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
141	361708	Bàn Thị	Lan	3617	17	TCXH2	7.18		87		600 000	600 000	
142	361709	Nguyễn Thị	Lan	3617	18		8.00		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
143	361710	Phạm Thị	Quy	3617	14	TCXH1	7.00		86		840 000	840 000	
144	361711	Cà Bình	Minh	3617	14	TCXH1	6.64		84		840 000	840 000	
145	361713	Đặng Bùi	Tươi	3617	17	TCXH1	6.41		82		840 000	840 000	
146	361714	Nông Thị	Phượng	3617	17	TCXH1	7.35		87		840 000	840 000	
147	361715	Tăng A	Si	3617	14	TCXH1	6.57		82		840 000	840 000	
148	361717	Hoàng Linh	Nga	3617	16	TCXH1	7.44		89		840 000	840 000	
149	361720	Dương Thị Hồng	Nhung	3617	17	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
150	361735	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	3617	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
151	361747	Hà Hồng	Cẩm	3617	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
152	361749	Phạm Thị Hồng	Tâm	3617	18		8.11		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
153	361755	Lê Thị Thanh	Trà	3617	16		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
154	361763	Vũ Thị	Hà	3617	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
155	361253	Lê Đức	Sơn	3618	20		7.90		87	1 750 000		1 750 000	Khá
156	361802	Hoàng Thị	Ngà	3618	17	TCXH1	7.71		89		840 000	840 000	
157	361803	Quảng Thị	Miến	3618	18	TCXH1	7.11		89		840 000	840 000	
158	361814	Lương Thị	Hoa	3618	14		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
159	361815	Lò Văn	Cường	3618	18	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
160	361816	Hoàng Thị	Ngoan	3618	15	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
161	361817	Hoàng Thị	Thúy	3618	14	TCXH1	7.43		87		840 000	840 000	
162	361820	Phí Thị	Trang	3618	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
163	361822	Đàm Nhật	Hoàng	3618	15	TCXH1	7.13		88		840 000	840 000	
164	361823	Lê Hoàng	Đạt	3618	16	TCXH1	7.25		96		840 000	840 000	
165	361824	Lù A	Mùa	3618	18	TCXH1	7.00		88		840 000	840 000	
166	361846	Nguyễn Thị	Ngà	3618	16		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
167	361852	Trần Thị Mai	Sương	3618	17	TCXH1	7.18		87		840 000	840 000	
168	361854	Phạm Thị Minh	Phượng	3618	15		8.07		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
169	361901	Hoàng Thị	Ngân	3619	17	TCXH2	6.24	1	84		600 000	600 000	
170	361903	Lầu A	Chua	3619	18	TCXH1	6.83		84		840 000	840 000	
171	361907	Trần Thị Ngọc	Nga	3619	19	TCXH2	7.21		87		600 000	600 000	
172	361909	Sông A	Chư	3619	17	TCXH1	6.12		84		840 000	840 000	
173	361910	Hà Thị	Thủy	3619	17	TCXH2	7.06		87		600 000	600 000	
174	361914	Quan Thị Mai	Hương	3619	16		8.00		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
175	361917	Ngân Thị	Ngoan	3619	16	TCXH1	6.13	1	84		840 000	840 000	
176	361922	Vi Đức	Thanh	3619	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
177	361923	Lục Thị ánh	Nguyệt	3619	18	TCXH1	6.83		84		840 000	840 000	
178	361924	Lù A	Của	3619	18	TCXH1	5.83		82		840 000	840 000	
179	361926	Phạm Thị	Phương	3619	14		8.29		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
180	361937	Phạm Thị	Dung	3619	15		8.40		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
181	361945	Nguyễn Ngọc	Chung	3619	18		8.00		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
182	361961	Trần Thị Phương	Liên	3619	17		8.24		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
183	361967	Nguyễn Thu	Thảo	3619	18		8.33		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
184	362003	Diệp Thị Quỳnh	Hoa	3620	16	TCXH1	7.38		87		840 000	840 000	
185	362004	Hoàng Thị Lan	Anh	3620	17	TCXH1	7.29		87		840 000	840 000	
186	362006	Bùi Thị	Hương	3620	15		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
187	362012	Quách Thị	Tài	3620	17	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
188	362013	Chu Thị	Oanh	3620	14	TCXH1	7.50		96		840 000	840 000	
189	362015	Lù A	Trừ	3620	18	TCXH1	6.28	1	84		840 000	840 000	
190	362020	Nông Thị	Đậm	3620	18	TCXH1	7.11		87		840 000	840 000	
191	362021	Đinh Thị	Thanh	3620	15	TCXH1	6.33		84		840 000	840 000	
192	362022	Lương Thị	Sao	3620	14	TCXH1	6.50		84		840 000	840 000	
193	362029	Nguyễn Thị	Tuyết	3620	16		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
194	362042	Nguyễn Hải	Anh	3620	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
195	362052	Nguyễn Thị	Thùy	3620	18		8.17		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
196	362054	Nguyễn Mỹ	Duyên	3620	16		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
197	362058	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3620	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
198	362102	Ngân Thị	Bùi	3621	15	TCXH1	7.27		87		840 000	840 000	
199	362104	Phạm Trung	Kiên	3621	17		8.00		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
200	362107	Trương Thị	Thủy	3621	18	TCXH1	7.44		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
201	362111	Nông Thị	Quyên	3621	17	TCXH1	7.18		87		840 000	840 000	
202	362113	Nguyễn Thị	Khảm	3621	16	TCXH2	7.19		87		600 000	600 000	
203	362116	Liêu Đình	Tuế	3621	17	TCXH1	6.71		84		840 000	840 000	
204	362123	Hà Thị Ngọc	Hoa	3621	17	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
205	362127	Bùi Thị	Hương	3621	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
206	362137	Nguyễn Thị Hà	Lương	3621	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
207	352265	Phan Thị Hồng	Hạnh	3622	18		8.11		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
208	362201	Ma Thị Bích	Hậu	3622		TCXH1					840 000	840 000	
209	362208	Triệu Thị	Vinh	3622	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
210	362209	Thào Thị Tuyết	Mai	3622	17	TCXH1	7.65		87		840 000	840 000	
211	362210	Đinh Thị	Thắm	3622	16	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
212	362219	Pay Quỳnh	Trang	3622	18	TCXH1	7.28		87		840 000	840 000	
213	362269	Nguyễn Thành	Luân	3622	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
214	362301	Bàn Thị	Thùy	3623	18	TCXH1	6.33		84		840 000	840 000	
215	362304	Hà Thị	Hạnh	3623	17	TCXH1	7.18		87		840 000	840 000	
216	362306	Bế Thị Anh	Đào	3623	18	TCXH1	7.17		87		840 000	840 000	
217	362307	Hà Thị Khánh	Ly	3623	17	TCXH1	7.59		87		840 000	840 000	
218	362308	Hoàng Thị Quỳnh	Hoa	3623	16	TCXH1	7.19		87		840 000	840 000	
219	362309	Ngọc Thị Mai	Hoa	3623	17	TCXH1	7.18		87		840 000	840 000	
220	362310	Ma Văn	Điện	3623	16	TCXH1	7.19		87		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
221	362312	Lữ Thị Hồng	Lâm	3623	18	TCXH1	7.11		87		840 000	840 000	
222	362317	Nông Trần	Thu	3623	18	TCXH1	7.56		87		840 000	840 000	
223	362319	Bàn Thị	Thúy	3623	16	TCXH1	7.25		87		840 000	840 000	
224	362320	Hoàng Diệu	Linh	3623	18	TCXH1	7.89		87		840 000	840 000	
225	362321	Quách Thị	Thơ	3623	16	TCXH1	7.75		87		840 000	840 000	
226	362323	Nguyễn Thế	Hùng	3623	18		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
227	362355	Nguyễn Thanh	An	3623	18	TCXH2	7.39		87		600 000	600 000	
228	362403	Chang A	Dì	3624	18	TCXH1	6.22		84		840 000	840 000	
229	362408	Trần Văn	Vinh	3624	17	TCXH1	6.59		84		840 000	840 000	
230	362412	Hoàng Thuỳ	Lan	3624	16	TCXH1	7.31		87		840 000	840 000	
231	362414	Phạm Hải	Yến	3624	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
232	362418	Nguyễn Mạnh	Cường	3624	17	TCXH1	7.12		87		840 000	840 000	
233	362419	La Thị	Thảo	3624	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
234	362422	Dương Mỹ	Thiện	3624	18	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
235	362431	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	3624	14		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
236	362440	Hoàng Thị Thu	Hiền	3624	17		8.00		95	2 000 000		2 000 000	Giỏi
237	362459	Nguyễn Thị Thuý	Hảo	3624	15		8.13		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
238	370103	Nông Sầm Thanh	Tâm	3701	18	TCXH1	5.28	1	82		840 000	840 000	
239	370107	Ngọc Thị Thuý	Trang	3701	15	TCXH1	7.33		87		840 000	840 000	
240	370110	Hoàng Thị Châu	Loan	3701	16	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
241	370111	Hoàng Văn	Lai	3701	14	TCXH1	5.36	1	82		840 000	840 000	
242	370113	Cao Thu	Hương	3701	16	TCXH1	4.56	1	69		840 000	840 000	
243	370116	Vương Thu	Hạnh	3701	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
244	370117	Nịnh Thị	Vương	3701	16	TCXH1	5.19	1	82		840 000	840 000	
245	370120	Hạng A	Ly	3701	17	TCXH1	6.59		84		840 000	840 000	
246	370121	Hứa Thị	Yến	3701	17	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
247	370122	Cứ A	Dơ	3701	17	TCXH1	5.59		82		840 000	840 000	
248	370124	Hứa Thị	Hường	3701	18	TCXH1	6.44		84		840 000	840 000	
249	370126	Lý Nguyễn Thu	Thùy	3701	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
250	370135	Lê Thị	Thúy	3701	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
251	370145	Nguyễn Lý Việt	Hà	3701	18	TCXH1	7.06		97		840 000	840 000	
252	370148	La Thị Việt	Trình	3701	17	TCXH1	7.35		87		840 000	840 000	
253	370201	Lâm Thị Trâm	Anh	3702	18	TCXH1	7.44		99		840 000	840 000	
254	370202	Đình Thị	Uyên	3702	14		8.21		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
255	370203	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	3702	18	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
256	370205	Dương Thị	Lê	3702	16	TCXH1	7.56		89		840 000	840 000	
257	370206	Lục Thị	Lý	3702	17	TCXH1	7.18		89		840 000	840 000	
258	370207	Nguyễn Thị	Lan	3702	18	TCXH1	5.44	1	72		840 000	840 000	
259	370213	Phạm Thị	Thúy	3702	16	TCXH1	5.06	1	74		840 000	840 000	
260	370223	Linh Thị	Hoàn	3702	16	TCXH1	6.38		86		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
261	370224	Thào A	Láu	3702	16	TCXH1	4.81		68		840 000	840 000	
262	370225	Vi Thị	Hương	3702	18	TCXH1	7.06		88		840 000	840 000	
263	370226	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	3702	16		7.75		96	1 750 000		1 750 000	Khá
264	370233	Đặng Quang	Anh	3702	17		8.35		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
265	370239	Bế Văn	Nam	3702	16	TCXH1	7.19		89		840 000	840 000	
266	370243	Triệu Thị	Thảo	3702	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
267	370245	Bàn Thị Việt	Hương	3702	17	TCXH1	6.29		84		840 000	840 000	
268	370248	Lộc Thế	Anh	3702	18	TCXH1	7.17		83		840 000	840 000	
269	370259	Nguyễn Thị Minh	Thúy	3702	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
270	370305	Dương Thị	Quyên	3703	16	TCXH1	6.13		84		840 000	840 000	
271	370306	Chúc Thị Khánh	Linh	3703	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
272	370308	Ma Kim	Thúy	3703	17	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
273	370310	Triệu Minh	Thu	3703	16	TCXH1	7.13		87		840 000	840 000	
274	370313	Phùng Thị	Thương	3703	16	TCXH1	7.19		87		840 000	840 000	
275	370314	Trần Thị	Nhân	3703	16	TCXH1	7.19		87		840 000	840 000	
276	370319	Phạm Thị	Phương	3703	18	TCXH1	6.61		84		840 000	840 000	
277	370322	Bế Thanh	Thuỷ	3703	15	TCXH1	7.40		87		840 000	840 000	
278	370323	Âu Thị	Điệp	3703	15	TCXH1	6.33		87		840 000	840 000	
279	370324	Nguyễn Thị	Lan	3703	18		8.22		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
280	370332	Nguyễn Thanh	Hằng	3703	16		7.81		94	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
281	370335	Nguyễn Thị	Đào	3703	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
282	370337	Đàm Thị	Trang	3703	16	TCXH1	7.50		87		840 000	840 000	
283	370340	Vũ Thị Thanh	Hiền	3703	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
284	370341	Phan Thị Thùy	Dương	3703	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
285	370342	Vi Thị Thuỳ	Dung	3703	18	TCXH1	5.33		82		840 000	840 000	
286	370352	Nguyễn Thị	Thương	3703	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
287	370372	Lưu Ngọc	ánh	3703	16		8.38		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
288	370404	Dương Thiên	Lý	3704	18	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
289	370407	Hà Thị Thu	Thủy	3704	16	TCXH1	7.25		89		840 000	840 000	
290	370408	Nông Thị	Hằng	3704	16	TCXH1	6.56		84		840 000	840 000	
291	370416	Là Thị	Lanh	3704	17	TCXH1	6.06		84		840 000	840 000	
292	370418	Lý Thị	Hạnh	3704	17	TCXH1	4.59	1	69		840 000	840 000	
293	370425	Vi Thị	Lan	3704	16	TCXH1	6.44		84		840 000	840 000	
294	370430	Nguyễn Thị Hồng	Vân	3704	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
295	370435	Bùi Thị	Thủy	3704	18		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
296	370438	Phạm Ngọc	Mai	3704	15		7.73		96	1 750 000		1 750 000	Khá
297	370447	Chu Thị	Duyên	3704	15	TCXH1	7.07		89		840 000	840 000	
298	370456	Bùi Thanh	Trà	3704	16		7.81		84	1 750 000		1 750 000	Khá
299	370501	La Thị	Vân	3705	16	TCXH1	7.19		87		840 000	840 000	
300	370504	Nguyễn Thị	Mai	3705	18	TCXH1	5.44		82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
301	370512	Trần Thị Hồng	Nhung	3705	17		7.76		87	1 750 000		1 750 000	Khá
302	370516	Tráng Thị	Diện	3705	18	TCXH1	5.44		82		840 000	840 000	
303	370524	Dương Thị Hồng	Mến	3705	14	TCXH1	6.14		86		840 000	840 000	
304	370527	Triệu Nguyệt	Cầm	3705	16		7.81		88	1 750 000		1 750 000	Khá
305	370564	Nguyễn Thị Hà	Phương	3705	16		7.88		88	1 750 000		1 750 000	Khá
306	370601	Hoàng Hương	Giang	3706	18	TCXH1	6.67		94		840 000	840 000	
307	370603	Bùi Thị	Ngọc	3706	16	TCXH1	7.19		87		840 000	840 000	
308	370609	Hoàng Thị	Trường	3706	16	TCXH1	5.88	1	82		840 000	840 000	
309	370616	Lo Văn	Dương	3706	15	TCXH1	6.20		84		840 000	840 000	
310	370618	Vi Thị	Nguyên	3706	16	TCXH1	5.94		82		840 000	840 000	
311	370621	Lò Thị	Thu	3706	16	TCXH1	6.63		84		840 000	840 000	
312	370631	Hoàng Thương	Hà	3706	18	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
313	370633	Phạm Thanh	Thủy	3706	22		7.73		88	1 750 000		1 750 000	Khá
314	370643	Sầm Thị	Huyền	3706	17	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
315	370644	Trần Thị	Hương	3706	16	TCXH1	7.38		87		840 000	840 000	
316	370651	Nguyễn Thị Kim	Anh	3706	17		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
317	370654	Trần Thị Thanh	Hải	3706	17		7.71		88	1 750 000		1 750 000	Khá
318	370660	Nguyễn Thị Lan	Anh	3706	18		7.72		87	1 750 000		1 750 000	Khá
319	370701	Lự Văn	Hùng	3707	16	TCXH1	6.06	1	84		840 000	840 000	
320	370704	Hà Thị	Huyền	3707	16	TCXH1	6.75		86		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
321	370710	Phan Thị Độ	3707	14	TCXH1	7.00		88		840 000	840 000	
322	370716	Dương Văn Anh	3707	16	TCXH1	5.50	1	84		840 000	840 000	
323	370718	Hoàng Thị Mi	3707	15		7.80		89	1 750 000		1 750 000	Khá
324	370719	Sùng Lành	3707	18	TCXH1	5.61		84		840 000	840 000	
325	370720	Nguyễn Văn Trình	3707	16	TCXH1	4.88		69		840 000	840 000	
326	370721	Hoàng Thị Pỉ	3707	17	TCXH1	6.82		86		840 000	840 000	
327	370722	Sùng A	3707	17	TCXH1	5.35		84		840 000	840 000	
328	370723	Mùa Thị Ly	3707	15	TCXH1	7.00		89		840 000	840 000	
329	370725	Nguyễn Thị Tùng	3707	16		7.81		97	1 750 000		1 750 000	Khá
330	370737	Hồ A	3707	17	TCXH1	6.59		86		840 000	840 000	
331	370739	Lữ Thị Thương	3707	16	TCXH1	4.50	2	69		840 000	840 000	
332	370740	Lý Thị Phương	3707	18	TCXH1	7.44		88		840 000	840 000	
333	370741	Khà Thị Thanh	3707	16	TCXH1	7.75		88	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
334	370745	Hoàng Hải Yến	3707	16		7.75		87	1 750 000		1 750 000	Khá
335	370777	Mai Thuỳ Dương	3707	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
336	370801	Dương Thị Châu	3708	18	TCXH1	6.22		86		840 000	840 000	
337	370804	Nguyễn Mai Hương	3708	15	TCXH1	7.20		87		840 000	840 000	
338	370809	Triệu Tồn Chàn	3708	16	TCXH1	6.50		84		840 000	840 000	
339	370816	Triệu Thị Yên	3708	16	TCXH1	5.56		82		840 000	840 000	
340	370819	Cầm Thị Thuý	3708	17	TCXH1	5.24		82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
341	370820	Phùng A	Sử	3708	18	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
342	370822	Trương Văn	Băng	3708	16	TCXH1	5.88		82		840 000	840 000	
343	370824	Trần Thị Ngọc	Hoà	3708	17		7.82		88	1 750 000		1 750 000	Khá
344	370840	Cao Văn	Đức	3708	18	TCXH1	5.56	1	82		840 000	840 000	
345	370846	Nguyễn Phương	Thảo	3708	16		8.38		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
346	370871	Nguyễn Bình	An	3708	19		7.89		88	1 750 000		1 750 000	Khá
347	370908	Đàm Thị	Tiếp	3709	16	TCXH1	7.56		87		840 000	840 000	
348	370916	Ma Thị	Huệ	3709	15	TCXH1	6.40		84		840 000	840 000	
349	370917	Lê Thị	Vui	3709	16	TCXH1	6.25		84		840 000	840 000	
350	370918	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	3709	18		7.89		87	1 750 000		1 750 000	Khá
351	370922	Nguyễn Huyền	My	3709	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
352	370948	Trương Thị	Hà	3709	17		7.82		87	1 750 000		1 750 000	Khá
353	370951	Hoàng Ngọc	Linh	3709	15		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
354	370952	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	3709	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
355	370954	Bùi Thị Lan	Anh	3709	16		8.38		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
356	370957	Nguyễn Thị	Luyên	3709	16		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
357	370976	Trần Văn	Trường	3709	14		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
358	371001	Hoàng Thị	Hương	3710	15	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
359	371003	Nguyễn Thị Hoài	Thương	3710	15		7.73		87	1 750 000		1 750 000	Khá
360	371005	Thiều Khánh	Phương	3710	18		7.89		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
361	371006	Hoàng Văn	Tuân	3710	18	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
362	371009	Triệu Thị	Lý	3710	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
363	371010	Nguyễn Hồng	Hải	3710	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
364	371012	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	3710	15		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
365	371014	Đào Thị Thu	Hiền	3710	15		7.80		87	1 750 000		1 750 000	Khá
366	371023	Tạ Thị	Hương	3710	18	TCXH1	6.50		84		840 000	840 000	
367	371039	Lê Thị	Thảo	3710	16	TCXH1	5.31	1	82		840 000	840 000	
368	371056	Nguyễn Hữu	Hiệp	3710	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
369	371108	Lộc Thị ánh	Huyền	3711	18	TCXH1	7.11		87		840 000	840 000	
370	371111	Hoàng Thị	Phượng	3711	18	TCXH1	5.89	1	82		840 000	840 000	
371	371114	Sủng A	Súa	3711	17	TCXH1	4.76	1	69		840 000	840 000	
372	371116	Hoàng Ngọc	Thái	3711	18	TCXH1	6.44		84		840 000	840 000	
373	371119	Hoàng Thị	Thắm	3711	16	TCXH1	6.25		82		840 000	840 000	
374	371120	Đình Thảo	Liên	3711	18		7.72		87	1 750 000		1 750 000	Khá
375	371121	Sùng Thị	Mai	3711	17	TCXH1	6.12		84		840 000	840 000	
376	371127	Phan Tuyết Vân	Anh	3711	14		7.79		95	1 750 000		1 750 000	Khá
377	371134	Lê Hoài	Phương	3711	17		7.82		87	1 750 000		1 750 000	Khá
378	371137	Vũ Thị Hồng	Nhung	3711	17		7.82		95	1 750 000		1 750 000	Khá
379	371143	Trần Thị	Hiền	3711	15	TCXH1	6.20		84		840 000	840 000	
380	371145	Lê Thị	Thoa	3711	16	TCXH1	5.81		82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
381	371146	Bùi Thị	Châu	3711	17	TCXH1	5.82		82		840 000	840 000	
382	371148	Mai Thị	Hoa	3711	14		8.43		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
383	371172	Phùng Mai	Anh	3711	14		8.00		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
384	371177	Đàm Thị	Hà	3711	18	TCXH1	6.83		84		840 000	840 000	
385	371178	Hoàng Văn	Thùy	3711	15		8.87		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
386	371203	Dương Thị Thanh	Bình	3712	15	TCXH1	7.13		87		840 000	840 000	
387	371208	Hoàng Thanh	Hoài	3712	17	TCXH1	7.88		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
388	371209	Hứa Thị	Liễu	3712	15	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
389	371220	Vàng Thị	Hạnh	3712	15	TCXH1	4.80	1	69		840 000	840 000	
390	371223	Vàng A	Lữ	3712	17	TCXH1	6.29	1	84		840 000	840 000	
391	371232	Trịnh Thị Thuỳ	Dương	3712	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
392	371240	Phạm Thị Thu	Hà	3712	15		7.73		96	1 750 000		1 750 000	Khá
393	371241	Lữ Thị	Thuỷ	3712	15	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
394	371243	Phan Thị	Uyên	3712	17	TCXH1	6.82		84		840 000	840 000	
395	371245	Lý Thị	Xuân	3712	17	TCXH1	6.82		84		840 000	840 000	
396	371246	Nông Thị Khánh	Hoà	3712	18	TCXH1	6.33	1	84		840 000	840 000	
397	371265	Đặng Thị Thu	Hường	3712	17		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
398	371272	Nguyễn Thị	Thuỷ	3712	16		7.94		86	1 750 000		1 750 000	Khá
399	371303	Nông Thị	Trang	3713	18	TCXH1	7.00		86		840 000	840 000	
400	371309	Lê Thị	Bích	3713	18	TCXH1	6.44		82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
401	371311	Hoàng Thị Mai	Hiên	3713	15	TCXH1	6.07		80		840 000	840 000	
402	371312	Triệu Thị	Lan	3713	15	TCXH1	6.00		80		840 000	840 000	
403	371314	Lầu A	Tủa	3713	15	TCXH1	0.60	5	20		840 000	840 000	
404	371315	Triệu Thị	Xuân	3713	15	TCXH1	5.60		82		840 000	840 000	
405	371316	Hoàng Thị	Hạnh	3713	18	TCXH1	6.33		83		840 000	840 000	
406	371321	Sùng A	Súa	3713	18	TCXH1	6.83		83		840 000	840 000	
407	371345	Vi Thị	Hương	3713	18	TCXH1	6.61		83		840 000	840 000	
408	371361	Nguyễn Thị	Nhung	3713	15		7.87		87	1 750 000		1 750 000	Khá
409	371403	Mông Thị	Vượng	3714	18	TCXH1	7.28		87		840 000	840 000	
410	371407	Chu Xé	Cà	3714	18		7.94		89	1 750 000		1 750 000	Khá
411	371410	Đàm Thị	Khuyên	3714	15	TCXH1	7.60		88		840 000	840 000	
412	371415	Lộc Thị	Lại	3714	17	TCXH1	6.35		84		840 000	840 000	
413	371416	Hoàng Thị Minh	Trang	3714	17	TCXH1	7.59		87		840 000	840 000	
414	371420	Chu Thị	Diên	3714	18	TCXH1	7.44		88		840 000	840 000	
415	371423	Tần Thị	Dua	3714	16	TCXH1	6.06		86		840 000	840 000	
416	371430	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3714	18		8.28		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
417	371435	Trần Thị Minh	Trang	3714	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
418	371441	Dương Thị	Thái	3714	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
419	371452	Vũ Bình	An	3714	17		7.76		97	1 750 000		1 750 000	Khá
420	371464	Nguyễn Hà	Dương	3714	22		7.86		88	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
421	371477	Trịnh Thu	Thuỷ	3714	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
422	371501	Nông Bích	Thu	3715	18	TCXH1	6.83		80		840 000	840 000	
423	371506	Đàm Văn	Linh	3715	17	TCXH1	7.18		83		840 000	840 000	
424	371511	Bùi Thị	Minh	3715	15	TCXH1	6.13		82		840 000	840 000	
425	371514	Trần Thị	Mến	3715	16		7.81		83	1 750 000		1 750 000	Khá
426	371516	Đỗ Thị	Hoa	3715	15	TCXH1	7.67		85		840 000	840 000	
427	371518	Vương Thị	Dung	3715	16	TCXH1	5.63	1	80		840 000	840 000	
428	371520	Giàng Minh	Lúa	3715	18	TCXH1	6.83		80		840 000	840 000	
429	371521	Lò Thị	Dân	3715	14	TCXH1	6.43		93		840 000	840 000	
430	371522	Sần Seo	Xiên	3715	18	TCXH1	6.89		80		840 000	840 000	
431	371523	Nguyễn Thị	Vân	3715	14		7.79		87	1 750 000		1 750 000	Khá
432	371537	Vy Thị	Lan	3715	16	TCXH1	6.19		84		840 000	840 000	
433	371543	Lý Văn	Thông	3715	16	TCXH1	6.19		84		840 000	840 000	
434	371547	Lương Quốc	Kiều	3715	17	TCXH1	3.29	3	40		840 000	840 000	
435	371556	Nguyễn Thị Thu	Trang	3715	15		7.73		88	1 750 000		1 750 000	Khá
436	371602	La Nông	Dương	3716	16	TCXH1	7.81		85	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
437	371606	Nguyễn Thị	Thảo	3716	18	TCXH1	4.83	1	69		840 000	840 000	
438	371610	Lò Thị	Thảo	3716	15	TCXH1	6.60		84		840 000	840 000	
439	371611	Lục Thị	Hồng	3716	18	TCXH1	7.28		87		840 000	840 000	
440	371613	Trần Thị	Hoan	3716	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
441	371619	Nguyễn Thị	Duyệt	3716	16	TCXH1	6.81		84		840 000	840 000	
442	371620	Sông Lao	Vụ	3716	18	TCXH1	5.78		82		840 000	840 000	
443	371635	Hoàng Thị	Thảo	3716	16		7.75		87	1 750 000		1 750 000	Khá
444	371643	Hà Thị	Dậu	3716	15	TCXH1	6.73		84		840 000	840 000	
445	371644	Lý Thị	Thơ	3716	16	TCXH1	6.56		84		840 000	840 000	
446	371646	Vũ Thanh Tùng	Lâm	3716	18		7.83		96	1 750 000		1 750 000	Khá
447	371648	Trương Thị	Nga	3716	16	TCXH1	7.00		88		840 000	840 000	
448	371649	Phùng Thị Phương	Thảo	3716	18		8.11		94	2 000 000		2 000 000	Giỏi
449	371712	Hoàng Thu	Hà	3717	16	TCXH1	7.81		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
450	371714	Bùi Hồng	Hạnh	3717	16	TCXH1	6.69		84		840 000	840 000	
451	371718	Hà Thị Kim	Oanh	3717	18		7.89		87	1 750 000		1 750 000	Khá
452	371719	Trần Thị	Huyền	3717	17	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
453	371745	Nguyễn Văn	Bình	3717	17	TCXH1	6.12		84		840 000	840 000	
454	371747	Bùi Thị Thu	Hoài	3717	16		7.75		89	1 750 000		1 750 000	Khá
455	371748	Lương Thanh	Tú	3717	16	TCXH1	6.19	1	84		840 000	840 000	
456	371801	Lãnh Thị	Hằng	3718	15	TCXH1	7.47		89		840 000	840 000	
457	371802	Nông Thị	Tâm	3718	16	TCXH1	7.06		89		840 000	840 000	
458	371805	Ma Thị	Thảo	3718	15	TCXH1	6.40		86		840 000	840 000	
459	371806	Nguyễn Thị	Linh	3718	18	TCXH1	6.50		86		840 000	840 000	
460	371810	Bạc Thị	Hưởng	3718	15	TCXH1	7.87		89	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
461	371816	Nông Thị	Cần	3718	15	TCXH1	7.00		89		840 000	840 000	
462	371818	Vi Thị	Linh	3718	18	TCXH1	7.39		89		840 000	840 000	
463	371819	Đặng Thị	Lúu	3718	18	TCXH1	7.17		89		840 000	840 000	
464	371821	Tần Xa	Ngọc	3718	16	TCXH1	6.38		84		840 000	840 000	
465	371822	Giàng A	Di	3718	16	TCXH1	5.00	1	82		840 000	840 000	
466	371823	Lý Văn	Tám	3718	17	TCXH1	5.76		82		840 000	840 000	
467	371837	Len Thị	Phương	3718	16	TCXH1	5.94		82		840 000	840 000	
468	371847	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	3718	15	TCXH1	7.47		87		840 000	840 000	
469	371848	Hoàng Thị	Năm	3718	14	TCXH1	7.29		89		840 000	840 000	
470	371855	Đỗ Thị	Loan	3718	16		8.19		71	1 750 000		1 750 000	Khá
471	371856	Nguyễn Gia	Khoa	3718	15		8.00		75	1 750 000		1 750 000	Khá
472	371875	Bùi Trần	Quốc	3718	14		8.07		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
473	371902	Vũ Thị	Lan	3719	15	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
474	371903	Lò Diệu	Thu	3719	16	TCXH1	6.81		84		840 000	840 000	
475	371906	Nông Thị	Yến	3719	18	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
476	371908	Nguyễn Thị	Hồng	3719	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
477	371913	Hà Thị	Thông	3719	15	TCXH1	7.60		87		840 000	840 000	
478	371918	Cao Thị	Thủy	3719	15	TCXH1	5.80		82		840 000	840 000	
479	371919	Hoàng Thị	ánh	3719	16	TCXH1	7.13		87		840 000	840 000	
480	371922	Nông Thị	Thế	3719	18	TCXH1	5.89		82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
481	371924	Lê Sỹ	Anh	3719	15	TCXH2	7.53		89		600 000	600 000	
482	371925	Lê Mỹ	Duyên	3719	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
483	371936	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	3719	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
484	371947	Nguyễn Thị Tố	Linh	3719	18	TCXH1	5.06	1	82		840 000	840 000	
485	371955	Nguyễn Thị	Châm	3719	16		8.38		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
486	371959	Trần Thanh	Trà	3719	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá
487	371966	Nguyễn Thị	Loan	3719	15		7.93		87	1 750 000		1 750 000	Khá
488	371971	Lê Thị Vân	Anh	3719	15		8.00		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
489	372005	Vi Thị	Miễn	3720	18	TCXH1	6.06		86		840 000	840 000	
490	372010	Bùi Thị Ngọc	Hà	3720	18	TCXH1	6.22		84		840 000	840 000	
491	372012	Hoàng Anh	Thái	3720	18	TCXH1	7.33		87		840 000	840 000	
492	372014	Doãn Khánh	Linh	3720	16		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
493	372016	Hoàng Thị Kim	Duyên	3720	16	TCXH1	7.63		87		840 000	840 000	
494	372020	Lý Thị	Diễm	3720	17	TCXH1	6.41	1	84		840 000	840 000	
495	372023	Lường Văn	Dận	3720	18	TCXH1	5.61	1	82		840 000	840 000	
496	372043	Giàng Thị	Ninh	3720	16	TCXH1	6.63		86		840 000	840 000	
497	372048	Ma Huyền	Trang	3720	17	TCXH1	5.41	1	82		840 000	840 000	
498	372049	Trần Thị Vân	Anh	3720	15		7.73		87	1 750 000		1 750 000	Khá
499	372053	Bùi Đức	Nhã	3720	18		7.89		97	1 750 000		1 750 000	Khá
500	372075	Tào Thị Liên	Châu	3720	18		7.83		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
501	380101	Quách Thu	Hằng	3801	18	TCXH1	5.61	1	85		840 000	840 000	
502	380102	Nguyễn Hoài	Việt	3801	15		7.33		97	1 750 000		1 750 000	Khá
503	380103	Ma Thị	Thanh	3801	16	TCXH1	6.13		87		840 000	840 000	
504	380107	Vy Thị Mỹ	Duyên	3801	14		7.43		96	1 750 000		1 750 000	Khá
505	380123	Triệu Thị	Trang	3801	18	TCXH1	7.11		89		840 000	840 000	
506	380125	Trần Thị	Nga	3801	15	TCXH1	6.33		86		840 000	840 000	
507	380129	Tạ Thị Ngọc	Hiệp	3801	14		7.36		87	1 750 000		1 750 000	Khá
508	380131	Trần Thị Phương	Thảo	3801	17		7.35		87	1 750 000		1 750 000	Khá
509	380150	Nguyễn Thị	Phương	3801	17		7.65		88	1 750 000		1 750 000	Khá
510	380160	Lương Thị Hoài	Thu	3801	17		7.65		87	1 750 000		1 750 000	Khá
511	380164	Nông Văn	Thái	3801	18		7.44		89	1 750 000		1 750 000	Khá
512	380202	Đàm Nhật	Lệ	3802	18	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
513	380208	Vi Thị Mỹ	Huyền	3802	17	TCXH1	7.24		89		840 000	840 000	
514	380211	Triệu Thị	Hiền	3802	18	TCXH1	6.78		86		840 000	840 000	
515	380212	Bàng Thị Minh	Trang	3802	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
516	380215	Ma Thị	Phượng	3802	18	TCXH1	6.50		86		840 000	840 000	
517	380216	Dương Thị	Huệ	3802	16	TCXH1	6.06		86		840 000	840 000	
518	380217	Phạm Thị	Mai	3802	16	TCXH1	7.13		71		840 000	840 000	
519	380218	Hoàng Thị	Hằng	3802	17	TCXH1	5.24	1	82		840 000	840 000	
520	380219	Hà Thị	Dỹ	3802	18	TCXH1	4.83	1	72		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
521	380236	Trần Thị	Nhung	3802	15		7.73		87	1 750 000		1 750 000	Khá
522	380245	Phan Huyền	Trang	3802	16		7.38		95	1 750 000		1 750 000	Khá
523	380247	Đào Thị Ngọc	Dung	3802	18		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
524	380248	Hà Thị Minh	Ngân	3802	19		7.37		94	1 750 000		1 750 000	Khá
525	380257	Hoàng Văn	Văn	3802	18	TCXH1	5.78		84		840 000	840 000	
526	380264	Khà Thị Hoài	Thương	3802	17	TCXH1	6.29		84		840 000	840 000	
527	380265	Lương Văn	Tùng	3802	18	TCXH1	6.67		88		840 000	840 000	
528	380305	Quách Thị Phương	Anh	3803	18		7.44		89	1 750 000		1 750 000	Khá
529	380312	Quan Thị	Hiếu	3803	18	TCXH1	6.56		87		840 000	840 000	
530	380316	Nông Thùy	Như	3803	16		7.31		89	1 750 000		1 750 000	Khá
531	380322	Nguyễn Thị	Hằng	3803	18		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
532	380360	Chu Thuận	Yến	3803	15		7.40		87	1 750 000		1 750 000	Khá
533	380406	Vi Đức	Giang	3804	18	TCXH1	5.94		84		840 000	840 000	
534	380408	Trương Mai	Sơn	3804	17	TCXH1	7.41		89	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
535	380409	Lò Văn	Hặc	3804	15	TCXH1	7.07		88		840 000	840 000	
536	380413	Lương Thị	Minh	3804	17	TCXH1	7.12		80		840 000	840 000	
537	380418	Đinh Thị Phương	Thảo	3804	18	TCXH1	7.06		88		840 000	840 000	
538	380428	Vì Thị	Dếnh	3804	17	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
539	380430	Nông Thị	Khoa	3804	17	TCXH1	6.41		85		840 000	840 000	
540	380442	Hoàng Thị Kim	Anh	3804	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
541	380445	Vũ Thị Linh	Phương	3804	16		7.38		92	1 750 000		1 750 000	Khá
542	380446	Nguyễn Thị Bảo	Yến	3804	18		7.72		88	1 750 000		1 750 000	Khá
543	380450	Lê Hoàng	Hà	3804	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
544	380458	Chu Hồng	Thuỷ	3804	18		7.56		70	1 750 000		1 750 000	Khá
545	380465	Bùi Thị	Huê	3804	17	TCXH1	6.06		84		840 000	840 000	
546	380469	Lưu Văn	Hoàng	3804	18		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
547	380503	Mã Thị Khánh	Phương	3805	17	TCXH1	5.82	1	76		840 000	840 000	
548	380504	Hứa Văn	Linh	3805	15	TCXH1	6.20		87		840 000	840 000	
549	380516	Nông Thị Thanh	Thuỷ	3805	15	TCXH1	6.13		86		840 000	840 000	
550	380517	Vũ Thị Hồng	Nhung	3805	17		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
551	380531	Cứ A	Phừ	3805	17	TCXH1	5.71		82		840 000	840 000	
552	380539	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3805	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
553	380540	Vũ Hà	My	3805	17		8.06		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
554	380541	Trần Phương	Nga	3805	15		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
555	380544	Nguyễn Thu	Thủy	3805	18		7.39		87	1 750 000		1 750 000	Khá
556	380554	Hoàng Thị	Khoan	3805	15	TCXH1	6.40		84		840 000	840 000	
557	380555	Triệu Thị	Ngoan	3805	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
558	380556	Đinh Khánh	Linh	3805	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
559	380567	Phùng Vũ	Hiệp	3805	15		8.60		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
560	380606	Lèng ánh	Diện	3806	15		7.47		89	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
561	380607	Lục Thị Thanh	Hải	3806	18	TCXH1	8.00		88	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
562	380611	Vũ Thị	Nga	3806	18		7.33		88	1 750 000		1 750 000	Khá
563	380618	Nguyễn Thị Lệ	Giang	3806	14	TCXH1	7.14		87		840 000	840 000	
564	380621	Đường Thị	Hương	3806	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
565	380631	Hoàng Văn	Hành	3806	15	TCXH1	5.40		82		840 000	840 000	
566	380633	Hoàng Thu	Hà	3806	17	TCXH1	6.24		84		840 000	840 000	
567	380646	Nguyễn Thị	Thảo	3806	18		7.44		85	1 750 000		1 750 000	Khá
568	380657	Nguyễn Chí	Hiếu	3806	17		8.35		99	2 000 000		2 000 000	Giỏi
569	380660	Trần Khả	Nhật	3806	15		7.60		96	1 750 000		1 750 000	Khá
570	380663	Lê Dạ Lan	Hương	3806	17		8.35		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
571	380707	Giàng Thị	Tăng	3807	18	TCXH1	7.39		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
572	380711	Triệu Thị	Vinh	3807	15	TCXH1	5.67	1	79		840 000	840 000	
573	380713	Hoàng Thị Minh	Thư	3807	16	TCXH1	7.13		89		840 000	840 000	
574	380714	Nguyễn Duy	Bình	3807	18	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
575	380717	Hà Thị Thu	Thủy	3807	16	TCXH1	7.06		88		840 000	840 000	
576	380718	Lương Thị ánh	Loan	3807	18	TCXH1	6.78		86		840 000	840 000	
577	380719	Nguyễn Thị Lan	Anh	3807	18		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
578	380720	Bùi Thu	Trang	3807	18		7.50		89	1 750 000		1 750 000	Khá
579	380726	Nguyễn Thị	Lan	3807	17		7.53		88	1 750 000		1 750 000	Khá
580	380731	Lý Y	Long	3807	18	TCXH1	5.78		83		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
581	380736	Ngân Thị Diệu	Linh	3807	16	TCXH1	5.75	1	82		840 000	840 000	
582	380737	Đặng Thanh	Sơn	3807	18		7.61		87	1 750 000		1 750 000	Khá
583	380738	Phạm Thị Hồng	Thơ	3807	18		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
584	380740	Nguyễn Hữu	Anh	3807	18		8.28		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
585	380743	Tân Thị Thu	Trang	3807	18	TCXH1	6.39	1	81		840 000	840 000	
586	380751	Nguyễn Duy	Anh	3807	16		7.75		97	1 750 000		1 750 000	Khá
587	380753	Ngô Thị	Phúc	3807	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
588	380760	Nguyễn Thị Hà	Bắc	3807	16	TCXH1	5.50		82		840 000	840 000	
589	380762	Sa Thị Mỹ	Hạnh	3807	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
590	380763	Triệu Thị	Duyên	3807	18	TCXH1	0.50	6			840 000	840 000	
591	380764	Trần Thị	Thu	3807	17	TCXH1	6.35		87		840 000	840 000	
592	380766	Lương Văn	Thạch	3807	17	TCXH1	5.65	2	83		840 000	840 000	
593	380803	Hoàng Thị	Tình	3808	16	TCXH1	6.19		84		840 000	840 000	
594	380805	Dương Thị	Điệp	3808	18	TCXH1	6.44		86		840 000	840 000	
595	380809	Bùi Thị	Cẩm	3808	16	TCXH1	6.19		73		840 000	840 000	
596	380812	Quách Bình	Nhi	3808	18	TCXH1	6.67		86		840 000	840 000	
597	380815	Nguyễn Thanh	Mai	3808	16	TCXH1	6.63		86		840 000	840 000	
598	380816	Nhan Thị	Hoài	3808	15	TCXH1	6.07		87		840 000	840 000	
599	380819	Lường Mai	Huế	3808	16	TCXH1	6.75		88		840 000	840 000	
600	380822	Bế Thị	Chuyên	3808	16	TCXH1	7.38		88	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
601	380831	Mùa A	Văng	3808	16	TCXH1	6.94		88		840 000	840 000	
602	380834	Lường Văn	Bình	3808	15	TCXH1	6.53		85		840 000	840 000	
603	380835	Vừ Thị	Dung	3808	18	TCXH1	6.28		77		840 000	840 000	
604	380839	Ngô Thị Thùy	Dương	3808	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
605	380841	Lưu Thị Ngọc	Anh	3808	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
606	380844	Bùi Hạnh	Phúc	3808	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
607	380848	Hoàng Diệu	Linh	3808	16		7.75		99	1 750 000		1 750 000	Khá
608	380854	Nông Thị Thanh	Tuyền	3808	16	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
609	380855	Hà Hải	Nam	3808	16	TCXH1	7.00		89		840 000	840 000	
610	380856	Bùi Xuân	Quân	3808	16		7.69		88	1 750 000		1 750 000	Khá
611	380859	Sông A	Duẩn	3808	18	TCXH1	6.72		85		840 000	840 000	
612	380902	Hoàng Thị	Hoan	3809	17	TCXH1	5.82	1	83		840 000	840 000	
613	380905	Lý Thị Huyền	Trắng	3809	15	TCXH1	6.93		86		840 000	840 000	
614	380907	Vàng Thị	Phương	3809	18	TCXH1	7.50		88	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
615	380914	Trần Thị Thu	Hà	3809	18		7.39		87	1 750 000		1 750 000	Khá
616	380917	Phùng Phi	Hùng	3809	18	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
617	380924	Bùi Thị	Duyên	3809	18		7.33		89	1 750 000		1 750 000	Khá
618	380935	Vũ Phương	Mai	3809	18		7.67		87	1 750 000		1 750 000	Khá
619	380938	Bùi Hoàng	Hải	3809	18		7.61		88	1 750 000		1 750 000	Khá
620	380941	Hoàng Thị Lan	Hương	3809	15		7.87		88	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
621	380949	Lê Minh Đạo	3809	15		7.53		85	1 750 000		1 750 000	Khá
622	380950	Nguyễn Phụng Hà	3809	17		8.41		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
623	380952	Trần Thị Thanh Hiền	3809	18		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
624	380955	Ngô Việt Hoàng	3809	15	TCXH1	6.47		87		840 000	840 000	
625	380965	Dương Thị Ngọc Lê	3809	17	TCXH1	7.18		88		840 000	840 000	
626	380966	Phạm Văn Cương	3809	18	TCXH1	6.56		93		840 000	840 000	
627	380967	Nguyễn Thị Bảo Yến	3809	17	TCXH1	6.00		84		840 000	840 000	
628	381003	Phạm Thị Mai Hoa	3810	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
629	381007	Hà Trúc Ly	3810	15	TCXH1	6.60		86		840 000	840 000	
630	381017	Nông Thị Huyền	3810	16	TCXH1	6.56		84		840 000	840 000	
631	381019	Ngô Thị Kim Anh	3810	16		7.56		85	1 750 000		1 750 000	Khá
632	381028	Lò Thị Văn	3810	16	TCXH1	6.81		86		840 000	840 000	
633	381031	Nguyễn Thị Hoa	3810	18		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
634	381037	Đoàn Trung Hiếu	3810	18		7.67		88	1 750 000		1 750 000	Khá
635	381057	Lý Văn Sơn	3810	15	TCXH1	6.40		86		840 000	840 000	
636	381060	Hà Thị Thu	3810	18	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
637	381062	Nguyễn Thanh Thanh Huyền	3810	15		7.40		96	1 750 000		1 750 000	Khá
638	381101	Nguyễn Thị Nhân	3811	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
639	381105	Chu Thị Nga	3811	15	TCXH1	6.53		84		840 000	840 000	
640	381112	Bùi Thị Thắng	3811	15		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
641	381130	Vy Thị Mần	3811	15	TCXH1	4.53	1	74		840 000	840 000	
642	381131	Cao Thị Thoa	3811	18		7.78		87	1 750 000		1 750 000	Khá
643	381135	Trịnh Thị Hoa	3811	15		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
644	381138	Đinh Thị Tuyết	3811	15		7.40		87	1 750 000		1 750 000	Khá
645	381140	Nguyễn Thị Phương Thảo	3811	15		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
646	381143	Trần Thị Hồng Nhung	3811	15		7.47		87	1 750 000		1 750 000	Khá
647	381149	Phạm Thị Mỹ Hà	3811	17		7.47		87	1 750 000		1 750 000	Khá
648	381150	Vũ Minh Công	3811	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
649	381151	Hoàng Văn Ba	3811	15	TCXH1	6.27		84		840 000	840 000	
650	381153	Lộc Thị Lệ	3811	15	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
651	381155	Nguyễn Thị Mơ	3811	15	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
652	381162	Nguyễn Tùng	3811	15		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
653	381163	Nguyễn Trọng Hiếu	3811	15		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
654	381204	Bùi Phương Anh	3812	17	TCXH1	7.00		90		840 000	840 000	
655	381207	Nguyễn Thu Hiền	3812	16		7.81		88	1 750 000		1 750 000	Khá
656	381208	Nguyễn Thị Huệ	3812	16		7.31		86	1 750 000		1 750 000	Khá
657	381216	Nông Thị Hằng	3812	17	TCXH1	6.12		85		840 000	840 000	
658	381220	Đỗ Thị Yến	3812	17		7.47		88	1 750 000		1 750 000	Khá
659	381227	Bùi Thị Bích Thêu	3812	18	TCXH1	5.44	1	83		840 000	840 000	
660	381228	Nguyễn Thị Nga	3812	16		7.38		88	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
661	381229	Vũ Thị	Như	3812	18		7.33		88	1 750 000		1 750 000	Khá
662	381230	Hoàng Phương	Thảo	3812	18		7.50		88	1 750 000		1 750 000	Khá
663	381231	Nguyễn Thị	Vân	3812	18		7.50		88	1 750 000		1 750 000	Khá
664	381240	Nguyễn Thu	Thảo	3812	16		7.50		86	1 750 000		1 750 000	Khá
665	381254	Ngô Thị Khánh	Hoà	3812	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
666	381255	Trần Nhật	Hà	3812	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
667	381301	Lý Thị	Hoa	3813	17	TCXH1	4.88	1	74		840 000	840 000	
668	381303	Hoàng Thị Bích	Nhung	3813	18	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
669	381311	Lý Thị	Trang	3813	16	TCXH1	6.56		84		840 000	840 000	
670	381330	Hà Thị	Phương	3813	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
671	381331	Vàng A	Lài	3813	18	TCXH1	5.11	1	82		840 000	840 000	
672	381354	Lèng Thuý	Nhị	3813	18	TCXH1	6.94		84		840 000	840 000	
673	381365	Lê Minh	Tuấn	3813	15	TCXH1	5.33		82		840 000	840 000	
674	381401	Triệu Thùy	Linh	3814	18	TCXH1	7.50		87	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
675	381403	Bùi Thị Thanh	Thủy	3814	17	TCXH1	6.71		84		840 000	840 000	
676	381410	Ngô Thị	Hà	3814	16	TCXH1	7.13		87		840 000	840 000	
677	381412	Phan Thị	Vui	3814	17	TCXH1	7.12		87		840 000	840 000	
678	381413	Bàn Thị	Bến	3814	18	TCXH1	7.06		87		840 000	840 000	
679	381420	Bùi Linh	Đan	3814	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
680	381422	Cao Thị	An	3814	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
681	381423	Vũ Thị Lệ	Quỳnh	3814	15		7.60		87	1 750 000		1 750 000	Khá
682	381431	Vàng A	Trùng	3814	18	TCXH1	5.33	1	82		840 000	840 000	
683	381446	Lê Thị Vành	Khuyên	3814	17		7.59		87	1 750 000		1 750 000	Khá
684	381448	Vũ Việt	Hùng	3814	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
685	381457	Hoàng Thị Tố	Hoa	3814	18		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
686	381459	Nguyễn Hiền	Anh	3814	15		7.40		87	1 750 000		1 750 000	Khá
687	381501	Nguyễn Thị	Hoàn	3815	18		7.72		87	1 750 000		1 750 000	Khá
688	381506	Phạm Văn	Đức	3815	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
689	381527	Nguyễn Thị	Tuyết	3815	18		7.39		87	1 750 000		1 750 000	Khá
690	381531	Vương Thu	Hằng	3815	16	TCXH1	7.00		87		840 000	840 000	
691	381532	Tao Văn	Đăm	3815	16	TCXH1	6.31		84		840 000	840 000	
692	381534	Nguyễn Thị	Vinh	3815	16		7.75		88	1 750 000		1 750 000	Khá
693	381541	Trần Thị Lệ	Thủy	3815	18		7.33		88	1 750 000		1 750 000	Khá
694	381544	Nguyễn Thị Tố	Trinh	3815	17		7.47		88	1 750 000		1 750 000	Khá
695	381549	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3815	15		8.00		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
696	381556	Lê Anh	Việt	3815	18		7.39		87	1 750 000		1 750 000	Khá
697	381557	Lý Thị	Hạnh	3815	18	TCXH1	6.06		84		840 000	840 000	
698	381560	Bàn Thị	Nhung	3815	18	TCXH1	6.50		84		840 000	840 000	
699	381561	Hoàng Thùy	Linh	3815	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
700	381563	Phạm Vĩnh	Hải	3815	16		8.25		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
701	381564	Nguyễn Thị Việt	Hà	3815	16		7.69		87	1 750 000		1 750 000	Khá
702	381603	Hà Thị	Ly	3816	18	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
703	381605	Triệu Thị	Xuyến	3816	18		7.33		89	1 750 000		1 750 000	Khá
704	381606	Hoàng Lê	Thu	3816	18		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
705	381607	Chu Thị	Linh	3816	17	TCXH1	7.35		89	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
706	381610	Hoàng Thị Phương	Hoa	3816	17		7.59		89	1 750 000		1 750 000	Khá
707	381616	Lê Thị Thu	Hà	3816	18		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
708	381620	Đặng Thị Thu	Giang	3816	17		7.41		87	1 750 000		1 750 000	Khá
709	381625	Vương Mạnh	Tùng	3816	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
710	381630	Hà Văn	Thập	3816	16	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
711	381631	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	3816	17		7.35		87	1 750 000		1 750 000	Khá
712	381638	Vũ Gia	Linh	3816	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
713	381640	Hoàng Tuấn	Dũng	3816	16		7.63		96	1 750 000		1 750 000	Khá
714	381660	Vũ Hoàng	Long	3816	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
715	381661	Nguyễn Phương	Uyên	3816	15		7.47		87	1 750 000		1 750 000	Khá
716	381667	Luân Thị	Nương	3816	18	TCXH1	7.17		87		840 000	840 000	
717	381669	Thái Bá	Đạt	3816	17		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
718	381704	Hoàng Thị	Thu	3817	18	TCXH1	7.00		89		840 000	840 000	
719	381720	Lê Văn	Tiến	3817	16		7.69		87	1 750 000		1 750 000	Khá
720	381722	Lê Thị	Thảo	3817	18		7.39		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
721	381723	Mùi Thị Ngọc	3817	17	TCXH1	6.94		86		840 000	840 000	
722	381740	Đào Huyền Trang	3817	18		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
723	381742	Nguyễn Quốc Phương	3817	18		7.94		96	1 750 000		1 750 000	Khá
724	381745	Nguyễn Như Sơn	3817	15		7.47		98	1 750 000		1 750 000	Khá
725	381750	Hoàng Thị Hiên	3817	16	TCXH1	5.50		82		840 000	840 000	
726	381764	Hoàng Thị Linh	3817	18	TCXH1	6.22		86		840 000	840 000	
727	381801	Nông Mỹ Linh	3818	17		7.35		87	1 750 000		1 750 000	Khá
728	381803	Hoàng Văn Thiệp	3818	15	TCXH1	6.87		84		840 000	840 000	
729	381804	Bàn Hồng Hạnh	3818	18	TCXH1	6.22		84		840 000	840 000	
730	381808	Bùi Thị Chi	3818	15	TCXH1	6.27		84		840 000	840 000	
731	381816	Tòng Thúc Sinh	3818	15	TCXH1	6.87		84		840 000	840 000	
732	381830	Lò Văn Sinh	3818	16	TCXH1	7.44		89	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
733	381842	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	3818	21		8.19		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
734	381847	Phạm Thu Thảo	3818	16		7.69		87	1 750 000		1 750 000	Khá
735	381855	Dương Thu Hà	3818	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
736	381856	Bế Thị Trang	3818	18	TCXH1	6.72		86		840 000	840 000	
737	381858	Lý Thị Mai	3818	15		7.53		89	1 750 000		1 750 000	Khá
738	381860	Hứa Bích Phương	3818	15	TCXH1	6.87		86		840 000	840 000	
739	381863	Nguyễn Quang Việt	3818	15		7.87		87	1 750 000		1 750 000	Khá
740	381902	Phạm Thị Như Quỳnh	3819	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
741	381904	Đinh Thị	Nga	3819	15	TCXH1	6.47		84		840 000	840 000	
742	381905	Hà Dương	Thắm	3819	18	TCXH1	7.11		87		840 000	840 000	
743	381915	Vi Nguyễn Thuý	Hường	3819	18	TCXH1	6.72		93		840 000	840 000	
744	381916	Đinh Thị Thúy	Ngà	3819	17	TCXH1	6.71		84		840 000	840 000	
745	381919	Nông Thị	Chinh	3819	18	TCXH1	6.78		84		840 000	840 000	
746	381931	Hà Thị	Len	3819	17	TCXH1	5.47	1	82		840 000	840 000	
747	381932	Phạm Quốc	Đạt	3819	16		7.75		87	1 750 000		1 750 000	Khá
748	381937	Lê Thị Mai	Anh	3819	18		7.39		87	1 750 000		1 750 000	Khá
749	381943	Lý Khánh	Vân	3819	16	TCXH1	6.31	1	86		840 000	840 000	
750	381949	Nguyễn Thị	Hoa	3819	18		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
751	381950	Ngải Khánh	Hoà	3819	15	TCXH1	5.80		82		840 000	840 000	
752	381954	Nông Thị	Mơ	3819	16	TCXH1	6.75		84		840 000	840 000	
753	381960	Lương Nhật	Lệ	3819	18	TCXH1	6.89		84		840 000	840 000	
754	381961	Trịnh Thị	Phương	3819	16	TCXH1	6.75		84		840 000	840 000	
755	381962	Phạm Thị	Hương	3819	18	TCXH1	6.17		84		840 000	840 000	
756	381963	Vương Thị	Gái	3819	18	TCXH1	5.61		82		840 000	840 000	
757	382001	La Thị	Điểm	3820	17	TCXH1	6.65		86		840 000	840 000	
758	382006	Lê Thị Phương	Thảo	3820	15		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
759	382007	Vàng Mí	Say	3820	16	TCXH1	6.31		86		840 000	840 000	
760	382010	Lê Hoàng Trà	My	3820	18		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật (Tín chỉ từ khóa 34 trở đi)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
761	382011	Bàn Thị	Huế	3820	18	TCXH1	6.44		86		840 000	840 000	
762	382016	Nông Thị	Liễu	3820	17	TCXH1	6.59		86		840 000	840 000	
763	382019	Luyện Thị	Hiền	3820	18		7.33		87	1 750 000		1 750 000	Khá
764	382025	Hoàng Thị Thu	Trang	3820	18		7.78		87	1 750 000		1 750 000	Khá
765	382036	Lương Thu	Dung	3820	16		7.88		70	1 750 000		1 750 000	Khá
766	382037	Triệu Thị	Huyền	3820	18	TCXH1	6.67		84		840 000	840 000	
767	382039	Lê Xuân	Tùng	3820	17		7.41		83	1 750 000		1 750 000	Khá
768	382043	Cao Thị Lan	Hương	3820	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
769	382046	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3820	16		7.31		89	1 750 000		1 750 000	Khá
770	382054	Trần Thị Mỹ	Huyền	3820	15	TCXH1	6.13		86		840 000	840 000	
771	382062	Vũ Mạnh	Tuấn	3820	15	TCXH1	6.27		85		840 000	840 000	
772	382063	Đình Hà	Trang	3820	17	TCXH1	7.12		95		840 000	840 000	
773	382064	Hạ Bá	Chùa	3820	17	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
		Tổng								613 250 000	380 280 000	993 530 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG

TS Phan Chí Hiếu